

TÂM LÝ THẬN TRỌNG

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư cần thận trọng trong việc giải ngân vào thị trường ở giai đoạn này khi vùng cân bằng chưa được xác lập.
BÁN	Nhà đầu tư chủ động cơ cấu danh mục, đưa tỉ trọng cổ phiếu về mức an toàn và kiên nhẫn chờ đợi những tín hiệu tạo đáy cân bằng rõ ràng hơn.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

PLX

THEO DÕI

↑ 9,35%

VND42.100

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (14/1) nhờ số liệu lạm phát bán buôn yếu hơn dự báo.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Tín hiệu điều chỉnh diễn ra xuyên suốt phiên giao dịch và lực cầu thể hiện sự suy yếu khi thanh khoản ở mức thấp. Nhìn chung, tâm lý thận trọng vẫn đang chi phối và dòng tiền bắt đáy mới chỉ cho thấy tín hiệu thăm dò nhất định. Rủi ro giảm ngắn hạn của thị trường vẫn còn hiện hữu khi chỉ số DXY vẫn neo ở vùng cao và thị trường đang tiến dần đến kỳ nghỉ lễ dài ngày với những biến động khó lường về mặt thông tin và sự kiện có thể xảy ra.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.518,28	0,52	-0,06
S&P 500	5.842,91	0,11	-0,66
Nasdaq	19.044,39	-0,23	-1,38
VIX	18,71	-2,50	7,84
DAX	20.271,33	0,69	1,82
FTSE 100	8.201,54	-0,28	0,35
CAC40	7.423,67	0,20	0,58
Hang Seng	19.219,78	1,83	-4,19

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	34,87	SELL
MACD (12,26)	-5,83	SELL
ADX (14)	20,45	SELL
SMA5	1.238,40	SELL
SMA20	1.256,67	SELL
SMA50	1.250,77	SELL
SMA100	1.261,59	SELL
SMA200	1.258,58	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Báo cáo từ Cục Thống kê lao động (BLS) thuộc Bộ Lao động Mỹ cho thấy chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 12 của nước này chỉ tăng 0,2% so với tháng trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng 0,4% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones.
- Giá quặng sắt vượt mốc 100 USD/tấn sau khi dữ liệu cho thấy lượng nhập khẩu nguyên liệu thô này của Trung Quốc trong năm 2024 cao kỷ lục. Trong khi đó, thặng dư thương mại của Trung Quốc đạt mức kỷ lục 992 tỷ USD trong năm 2024. Xuất khẩu thép hàng năm của nước này đạt 110,7 triệu tấn, mức cao nhất kể từ năm 2015.
- Theo số liệu được công bố từ Ngân hàng Nhà nước, đến ngày 31/12/2024, tín dụng toàn nền kinh tế tăng khoảng 15,08%, đạt được mục tiêu đề ra, tổng dư nợ toàn hệ thống đạt 15,3 triệu tỷ, tăng hơn 2 triệu tỷ so với cuối năm 2023 (13,6 triệu tỷ). Góp một phần không nhỏ vào tăng trưởng tín dụng của toàn nền kinh tế là nỗ lực từ 4 ông lớn trong nhóm Big4 bao gồm Vietcombank, BIDV, Agribank và VietinBank.
- **TDM:** Ngày 12/2 tới đây, Nước Thủ Dầu Một sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện các quyền trên. Cụ thể, Công ty sẽ tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 14%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.400 đồng. Công ty sẽ phải chi tương ứng 154 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 2/7.
- **PVS:** Vừa bán ra hơn 3,99 triệu cổ phiếu, quỹ Vietnam Investment Property Holding Limited tiếp tục đăng ký bán thêm 8 triệu cổ phiếu Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam để giảm sở hữu về 0,77% vốn điều lệ.
- **KBC:** Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà ký Quyết định 86/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trảng Duệ 3, thành phố Hải Phòng. Quy mô dự án 652,7ha; thực hiện tại các xã Trường Thọ, Trường Thành, An Tiến, Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng với vốn đầu tư hơn 8.094 tỷ đồng.
- **PVT:** PVTrans đặt kế hoạch 2025 với doanh thu hợp nhất 10.300 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.200 tỷ đồng, giảm lần lượt 14% và 33% so với ước tính năm 2024. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của năm nay là 960 tỷ đồng.
- **HHV:** Tại cuộc họp HĐQT ngày 12/1, lãnh đạo Tập đoàn Đèo Cả thông tin doanh thu năm 2024 đạt 11.245 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2023 và vượt 9% so với kế hoạch. Trong đó, doanh thu từ mảng xây lắp chiếm 69%, vận hành và thu phí chiếm 22%, dịch vụ khác chiếm 9%. Lợi nhuận sau thuế năm qua đạt 460 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2023 và vượt 3% so với kế hoạch.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.673,21	-0,16	1,86
Dầu WTI	77,68	0,23	8,31
Dầu Brent	80,04	0,15	7,23
Than	115,40	0,79	-7,86
Đồng	9.154,00	0,65	4,40
Quặng sắt	102,03	2,19	-2,67
Thép	464,00	1,31	-2,47

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	109,22	-0,05	0,68
USD/JPY	157,96	0,00	-0,48
USD/CNY	7,3311	0,01	-0,43
EUR/USD	1,0301	-0,07	-0,51
GBP/USD	1,2202	-0,11	-2,51

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	154,96	35.400	0,28
FPT	422,43	145.100	-1,69
HPG	198,28	25.850	-0,19
SSI	194,77	23.950	-0,83
DXG	35,33	14.500	-1,69

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	512.519,67	91.700	-0,22
BID	269.003,10	39.000	-0,76
FPT	213.452,14	145.100	-1,69
CTG	198.421,20	36.950	-1,99
HPG	165.343,07	25.850	-0,19

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

PLX

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

39.750

42.100

9,35%

37.500–38.500

<36.600

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Năm 2024, doanh thu hợp nhất của Petrolimex ước đạt 270.000 tỷ đồng, bằng 144% kế hoạch, và lợi nhuận hợp nhất trước thuế ước đạt 3.500 tỷ đồng, bằng 121% kế hoạch. So với năm 2023, doanh thu đi ngang nhưng lợi nhuận trước thuế giảm 11%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- PLX sau khi lên vùng 50.000 đồng/cp hồi tháng 8/2024 đã liên tục sụt giảm, về lại 39.750 đồng/cp vào ngày 14/1/2025 (-23%). Trong khoảng thời gian này, giá dầu thế giới cũng có sự sụt giảm từ vùng trên 80 USD/thùng (dầu thô WTI) về dưới 70 USD/thùng vào cuối năm 2024, gây tác động lớn đến kết quả kinh doanh của PLX.
- PLX đang tích lũy nền giá quanh vùng 38.000–40.000 đồng. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân thặng dư đối với cổ phiếu PLX, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 37.500–38.500 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	304.064	273.979	64.324
LNTT (tỷ đ)	2.270	3.947	241
LNST (tỷ đ)	1.902	3.077	130
Nợ/VCSH (%)	52	68	47
ROE (%)	5,31	8,60	11,85
ROA (%)	2,08	3,68	3,96
EPS (VNĐ)	1.036	1.706	2366,16
P/E (lần)	30,6	20,2	16,80
P/B (lần)	1,64	1,69	1,98

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	SELL	SELL

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	57,36	BUY
MACD (12,26)	-0,18	SELL
ADX (14)	20,06	BUY
SMA5	38.810	BUY
SMA20	38.600	BUY
SMA50	39.120	BUY
SMA100	41.890	SELL
SMA200	41.780	SELL

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
2	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
3	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
4	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
5	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
6	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
7	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
8	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
9	GMD	Cơ cấu	63,8-65	12/11/2024	65	72,2	61,8	7/1/2025	64	-1,54%
10	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%
11	DPM	Cắt lỗ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33	10/1/2025	33,5	-4,83%
12	HPG	Cắt lỗ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2	10/1/2025	25,55	-3,58%
13	VPB	Cắt lỗ	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9	10/1/2025	18,5	-2,63%
14	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
15	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-(-13%-18%)
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-(-18-37%)
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	(Có thể DCA về 61-62)
Cắt lỗ	Dưới 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-(-12%-14%)
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-(-13%-24%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	999,000 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (4.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room